

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 28/ 02/ 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn T1;

Ông Nguyễn Văn C;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Q, Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thành N - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 2 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Đinh Văn L, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1989 tại Khu Đ, xã H, huyện T, tỉnh P; nơi cư trú: Khu Đ, xã H, huyện T, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Đinh Văn L1, sinh năm 1948 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1956; Vợ: Chị Hà Thị Thúy S, sinh năm 1992; con: 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án: Không; tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam: Ngày 21/11/2019 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Danh chỉ bản số 322 do Công an huyện T lập ngày 22/11/2019. Có mặt.

- Người hại: Ông Cao Thành T3, sinh năm 1976; vắng mặt;

Trú tại: Thôn H, xã B, huyện T, thành phố H;

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

1. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1980; vắng mặt;

Trú tại: Thôn T, xã D , thành phố B , tỉnh B;

2. Anh Trương Quốc H, sinh năm 1974; vắng mặt;

Trú tại:Thôn Y, xã T, huyện T, thành phố H;

- Người làm chứng:

1.Ông Hoàng Công C, sinh năm 1973; có mặt;

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, thành phố H.

2. Anh Bùi Văn T5, sinh năm 1990; vắng mặt;

Trú tại: Thôn T xã L , huyện T, thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 23/9/2019, Đinh Văn L (sinh năm 1989; trú tại: Khu Đ, xã H, huyện T, tỉnh P) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 19C1-18847 (xe L mượn của anh Đinh Văn Luật, sinh năm 1985 - là anh trai L) đi từ H về quê ở tỉnh Phú Thọ. Khi đi qua thôn Bãi Dài, xã T, huyện T, thành phố H thì L phát hiện thấy 01 chiếc xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu Cửu Long, số khung 0612854A, số máy 025DG-000207, BKS 33M – 1759 (xe bị hỏng không sử dụng được) của anh Cao Thành T3 (sinh năm 1976, trú tại: Thôn Hòa Lạc, xã Bình Yên, huyện T, thành phố H) để tại bãi đất trống, không có ai quản lý nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên.L gửi xe chiếc xe mô tô của mình tại một quán ăn ven đường ở khu vực ngã tư T rồi thuê xe taxi BKS: 30E – 73292 của anh Hoàng Công Chiến (sinh năm 1973; trú tại: Thôn Chùa 1, xã T) đi về thôn Bãi Dài, xã T để L kiểm tra xem có ai trông giữ chiếc xe trên không. Quá trình quan sát L thấy không có ai trông giữ xe ô tô nên L bảo anh Chiến chờ quay lại ngã tư Miếu, xã T và xin số điện thoại của anh Chiến. Khoảng 5 phút sau L gọi điện thoại đến tổng đài xe cứu hộ 117 để gọi xe đến cầu chiếc xe tải mang đi bán sắt vụn. Khoảng 40 phút sau anh Cao Hữu Tuấn (sinh năm 1990; trú tại: Thôn Thọ Am, xã L Linh, huyện T, thành phố H là lái xe của công ty) lái xe cầu mang BKS 30Z-7657 đến khu vực Xanhvilas. Sau đó L gọi anh Chiến đến đón anh Tuấn và đưa Tuấn đến nơi để chiếc xe ô tô. Khi đến nơi L nói với anh Chiến và Tuấn là chiếc xe của công ty L đã hỏng nên gọi cầu mang đi bán sắt vụn, sau đó Tuấn cho xe cầu vào kéo xe ô tô BKS 33M-1759 lên đường, nhưng xe bị khóa vô lăng nên không cầu được, L lấy 01 viên gạch phá cửa kính bên lái xe ô tô tải và mở cửa ô tô rồi chui vào ca bin để phá khóa. Sau đó, Tuấn lái xe cầu kéo theo chiếc xe ô tô tải còn Chiến lái xe taxi chở L đi trước dẫn đường, trên đường đi L nhờ anh Tuấn bán hộ xe tải. Anh Tuấn liên hệ với anh Trương Quốc Hưng (sinh năm 1974; trú tại: Thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện T, thành phố H), anh Hưng đồng ý mua với giá 23.000.000đồng rồi bảo anh

Tuấn đưa xe đến. Anh Hưng gọi điện cho anh Nguyễn Văn Tuyền (sinh năm 1980; trú tại: Thôn Thuyền, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang) để liên hệ bán xe, anh Tuyền đồng ý mua. Khi L chở xe đến nhà anh Hưng, L thỏa thuận bán xe cho Hưng với giá 23.000.000đồng, anh Hưng yêu cầu L viết giấy bán xe và cam kết không phải xe trộm cắp. Sau đó, L đưa CMTND mang tên Trần Văn Thắng (sinh năm 1992; Trú tại: xã Hoàng Thắng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) có dán ảnh của L để cho anh Hưng chụp (giấy CMTND này do L nhặt được trước đó và dán ảnh của L vào trong chứng minh thư nhân dân mang tên Thắng). Số tiền bán xe L trả anh Tuấn 3.000.000đồng (ba triệu đồng) tiền thuê xe cẩu, trả anh Chiến 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền thuê xe taxi. Sau khi mua được xe, anh Hưng nhờ Tuấn đưa xe tải lên Bắc Giang để bán cho anh Tuyền với giá 29.000.000 đồng(hai mươi chín triệu đồng).

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu Cửu Long, số khung 0612854A, số máy 025DG-000207, BKS 33M – 1759.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75/KL – HĐĐG ngày 18/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố T3ng huyện T kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe ô tô BKS 33M – 1759 là 17.500.000đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Quyết định xử lý vật chứng số 09 ngày 05/01/2020, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Cao Thành T3 chiếc xe ô tô BKS 33M – 1759.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Cao Thành T3 đã nhận lại tài sản, anh Nguyễn Văn Tuyền đã nhận đủ số tiền 29.000.000đồng do anh Hưng và bị cáo hoàn trả nên anh T3 và anh Tuyền không yêu cầu giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết uận định giá và các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS –TT ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo Đình Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: Đình Văn L 12 -15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 21/11/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh T3ng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố T3ng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ T3c quy định của Bộ luật Tố T3ng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố T3ng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố T3ng, người tiến hành tố T3ng. Do đó, các hành vi, quyết định tố T3ng của Cơ quan tiến hành tố T3ng, người tiến hành tố T3ng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Đinh Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 23/9/2019, Đinh Văn L đã có hành vi trộm cắp chiếc xe ô tô tải màu xanh, nhãn hiệu Cửu Long, số khung 0612854A, số máy 025DG-000207, BKS 33M – 1759 (xe bị hỏng không sử dụng được) của anh Cao Thành T3 mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố T3ng huyện T thì giá trị tài sản L chiếm đoạt có giá trị là 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng); tại thời điểm phạm tội bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn áp dụng nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng CMTND mang tên Trần Văn Thắng nhưng dán ảnh của L rồi dùng giấy CMTND đó để bán chiếc xe ô tô cho anh Hưng, mục đích để che dấu hành vi phạm tội trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với L là có căn cứ.

Đối với anh Trương Quốc Hưng và Nguyễn Văn Tuyên có hành vi mua chiếc xe ô tô. Tuy nhiên, anh Hưng và anh Tuyên không biết chiếc xe đó là tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

Đối với anh Hoàng Công Chiến và Bùi Hữu Tuấn được L thuê chở L và chở xe ô tô đi bán nhưng Chiến, Tuấn đều không biết đó là tài sản L trộm cắp và cũng không được hưởng lợi từ việc bán xe nên hành vi của Chiến và Tuấn không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự, an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cáo bị cáo, xét thấy: Mặc dù tài sản không có người trông coi, nhưng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp rất tạo bạo và liều lĩnh, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe ô tô BKS 33M – 1759 cơ quan điều tra đã trả lại người bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave mang BKS: 19C1 – 18847 là của anh Đinh Văn Luật (anh trai L), anh Luật cho L mượn để đi làm nên không biết việc L mang xe đi để trộm cắp tài sản, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Luật là có căn cứ.

[8] Về trách nhiệm dân sự của bị cáo: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố T3ng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn L phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đinh Văn L 15 (mười năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21 tháng 11 năm 2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố T3ng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Đinh Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố T3ng Hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận :

- TAND thành phố H;
- CA, VKSND, THA huyện T;
- Bị cáo, người bị hại;
- UBND xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ;;
- Lưu HS, VP.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu T